

BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ LAO ĐỘNG NỮ TRONG NGÀNH DU LỊCH - DỊCH VỤ

Th.S Bùi Thanh Hương

Khoa Du lịch học

Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQG Hà Nội

Từ xưa đến nay, phụ nữ Việt Nam luôn luôn giữ vai trò quan trọng trong quá trình hình thành cộng đồng, trong sự nghiệp đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước. Ngày nay trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước, phụ nữ lại đóng góp một phần không nhỏ. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc thực hiện quyền bình đẳng về giới trong mọi lĩnh vực. Bài viết này nhằm mục đích phân tích một số vấn đề trong cơ hội việc làm và thu nhập trong chuyên môn hẹp là ngành du lịch dịch vụ dưới góc độ bình đẳng về giới.

Thành tựu và chính sách về giới

"Giới" được các nhà nghiên cứu về giới trong hoạch định chính sách của Ngân hàng Thế giới định nghĩa "là một thuật ngữ để chỉ vai trò xã hội, hành vi ứng xử xã hội và những kỳ vọng liên quan đến nam nữ. Nữ giới và nam giới khác nhau về mặt sinh học, song sự khác nhau về sinh học đó lại được mọi nền văn hóa lý giải và quy định chi tiết thành một hệ thống những kỳ vọng xã hội về những hành vi và hoạt động được coi là thích hợp. Giới là một phạm trù xã hội mà trong ý nghĩa nhất định sẽ quyết định cơ hội cuộc sống của con người".

"Bình đẳng giới" trong bài viết này chỉ giới hạn ở bình đẳng về luật pháp, bình đẳng về cơ hội được học hành, cơ hội làm việc và thù lao cho công việc.

Ngược dòng lịch sử hàng ngàn năm trước của dân tộc ta, rất nhiều truyền thuyết, câu chuyện miêu tả người phụ nữ chịu thương chịu khó,

chất chịu nuôi dạy nên những anh hùng. Vai trò của người phụ nữ trong xã hội nguyên thủy và sau này trong xã hội phong kiến chủ yếu là "núp bóng rừng sâu" chăm lo cho gia đình. Trải qua quá trình phát triển lâu dài, quyền bình đẳng của phụ nữ cũng dần được khẳng định.

Ngay từ thuở bình minh của lịch sử giữ nước của dân tộc, Bà Trưng, Bà Triệu đã ghi những dấu ấn đầu tiên về sức mạnh tiềm tàng của người phụ nữ trong công cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Trong thời kỳ phong kiến, Bộ luật Hồng Đức - Bộ luật đầu tiên của nước ta đã quy định phụ nữ có quyền thừa kế, được phép ly dị và được bảo vệ tránh bị bạo lực xâm hại. Điều 9 trong Hiến pháp Việt Nam năm 1946 quy định rõ "Tất cả nguồn lực của đất nước thuộc về người Việt nam, không phân biệt chủng tộc, giới tính, tài sản, địa vị, tôn giáo... và phụ nữ được quyền bình đẳng với nam giới trên mọi lĩnh vực". Hiến pháp năm 1959, 1980 và 1992 cũng làm rõ và nhấn mạnh thêm quyền của phụ nữ. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt nam thành lập năm 1930 là một trong những tổ chức phụ nữ cấp quốc gia lâu đời nhất và lớn nhất trên thế giới, với số thành viên hiện tại lên tới 11 triệu người. Năm 1980, Việt Nam đã tham gia vào hiệp ước "Chống lại mọi hình thức kỳ thị phụ nữ" và thực thi hiệp ước này vào năm 1982. Hai năm sau, Ủy ban quốc gia Thập kỷ Phụ nữ được thành lập và đến năm 1993 được mở rộng thành "Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ". Mới đây nhất, kế hoạch hành động quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào tháng 10 năm 1997 đã đề ra 11 lĩnh vực trọng điểm hoạt động về sự tiến bộ của phụ nữ. Đó là:

- Cơ hội nghề nghiệp, xoá đói, giảm nghèo;
- Bình đẳng trong giáo dục, đào tạo;
- Tăng cường bảo vệ sức khỏe;
- Nâng cao vị trí và vai trò của phụ nữ trong cơ cấu tổ chức lãnh đạo;
- Bảo vệ và tuyên truyền về quyền của phụ nữ;
- Nâng cao vai trò của gia đình;
- Vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững;
- Đẩy mạnh hoạt động thông tin, tuyên truyền về quyền bình đẳng;
- Cống hiến cho hoà bình;

- Tăng cường bộ máy quốc gia và;

- Bảo vệ quyền của các em gái.

Việc kết hợp đưa vấn đề giới vào chính sách đã được chú trọng. Theo TS Nguyễn Thị Vân Anh, việc kết hợp giới vào chính sách xuất phát từ ba nguyên nhân cơ bản là: tính chất xã hội của vấn đề, sự phụ thuộc của bình đẳng giới và sự nhạy cảm của chính bản thân phụ nữ.

Vấn đề giới và bình đẳng giới trong ngành du lịch - dịch vụ

Những tiến bộ của nhà nước xã hội chủ nghĩa về chính sách đã tạo điều kiện nâng cao vai trò của phụ nữ trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội. Theo Tổng điều tra dân số năm 1999 ở Việt Nam, phụ nữ chiếm 50,8% và nam chiếm giới 49,2%. Việt Nam tuy là một đất nước tương đối nghèo với tổng thu nhập đầu người năm 1998 là 352 đôla Mỹ, song Việt Nam lại là nước có chỉ số phát triển nhân lực rất cao, xếp thứ 8 trong số 174 nước có chỉ số phát triển nhân lực và xếp thứ 89 trên 143 nước có chỉ số phát triển giới. So với các nước có cùng tổng thu nhập quốc dân (GNP) trong khu vực, các chỉ số phát triển nhân lực và giới của Việt Nam cao hơn hẳn (Bảng 1).

	Chỉ số phát triển nhân lực xếp trong số	Chỉ số phát triển về giới xếp trong số
	174 nước	143 nước
Việt Nam	08	89
Lào	140	117
Myanmar	125	102
Thái Lan	76	62

Bảng 1

Nguồn: Báo cáo phát triển nhân lực (UNDP, 2000)

Trên phương diện giáo dục, số liệu thống kê cũng cho thấy Việt nam có tỷ lệ người biết chữ và phổ cập tiểu học rất cao đối với cả hai giới. Tuy nhiên tỷ lệ này còn khá thấp ở các cấp học cao và đối với các dân tộc thiểu số (Bảng 2).

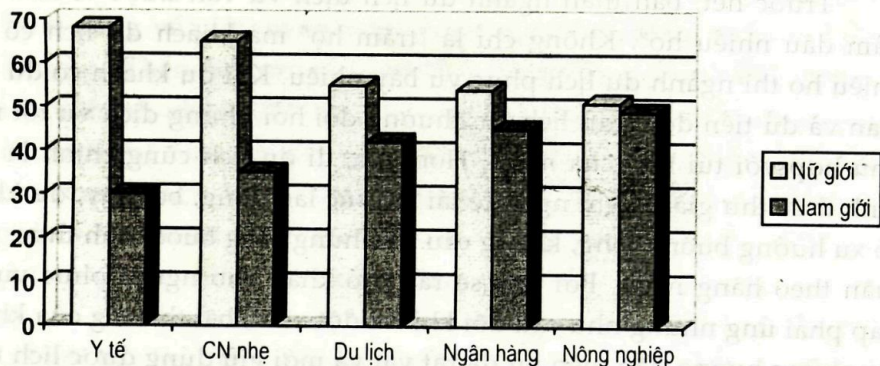
Có tới 70% số phụ nữ trong độ tuổi lao động (từ 16 đến 55) tham gia vào lực lượng lao động và phụ nữ cũng chiếm tới 52% tổng lực lượng lao động của cả nước. Song chỉ có 40% trong số họ được trả lương (Theo điều tra về mức sống 1997 - 1998 - Tổng cục Thống kê 2000).

Cấp học	Tiểu học (%)		Trung học cơ sở (%)		Trung học phổ thông (%)	
Dân tộc	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam
Kinh	93	92	63	76	19	33
Hoa	86	96	69	83	36	53
Các DT thiểu số khác	66	67	47	71	8	23
Tổng	89	89	61	75	18	33

Bảng 2

Nguồn : Báo cáo về mức sống ở Việt Nam năm 1995 (UNDP, 2000)

Du lịch dịch vụ (bao gồm cả nhà hàng và khách sạn) là một trong những khu vực kinh tế mà phụ nữ chiếm ưu thế (Biểu 1).



Biểu 1 : Các lĩnh vực phụ nữ chiếm ưu thế

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2000 - Điều tra về mức sống Việt Nam 97-98 (UNDP)

Những chỉ số phát triển về nhân lực và giới của phụ nữ Việt Nam đã đặt cơ sở vững chắc cho sự đóng góp của phụ nữ vào công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và trong ngành du lịch, dịch vụ nói riêng. Vậy trong ngành du lịch, dịch vụ phụ nữ đã đạt được những thành tựu như thế nào và còn những vấn đề bất cập gì?

Phụ nữ với những ưu thế nhất định về hình thể, khả năng giao tiếp và bản tính dịu dàng vốn rất thích hợp với ngành dịch vụ. Các cán bộ nữ trong ngành du lịch đã góp phần mở rộng, tăng cường giao lưu quảng cáo, góp phần đẩy mạnh sự hội nhập của du lịch Việt Nam với du lịch thế giới. Hình ảnh cô gái Việt Nam duyên dáng với chiếc nón lá truyền

thống và nụ cười rạng rỡ đã trở thành biểu tượng của du lịch Việt Nam. Phụ nữ trong ngành du lịch đã đạt được những thành tựu đáng tự hào trong công tác. Trước tiên phải kể đến Tổng Cục trưởng Tổng cục du lịch - Võ Thị Thắng, người đã từng rất nổi tiếng trong bức ảnh "Nụ cười chiến thắng", phải kể đến hai nữ anh hùng là chị Nguyễn Thị Thảo - nguyên Giám đốc Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và chị Nguyễn Thị Hoa Lệ - Giám đốc Công ty du lịch Hoà Bình.

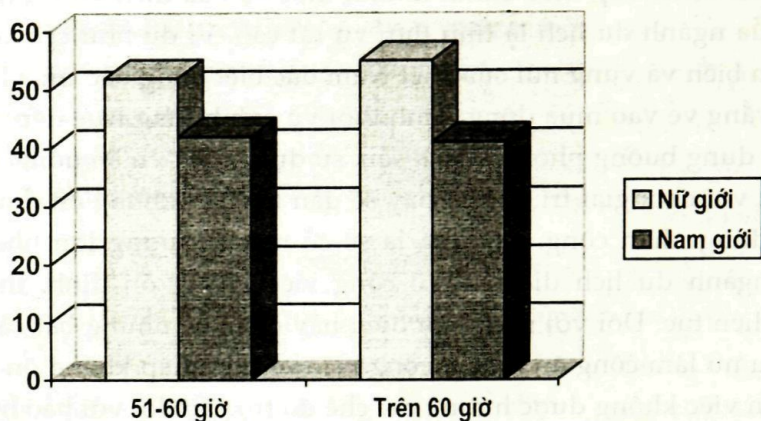
Tuy nhiên phụ nữ cũng có rất nhiều khó khăn cả trên phương diện chủ quan lẫn khách quan khi tham gia lao động trong ngành du lịch dịch vụ. Bài viết này chỉ giới hạn bàn về những khó khăn từ phía bản thân ngành nghề với tính chất đa dạng, phức tạp và tính thời vụ trong du lịch.

Trước hết, bản thân ngành du lịch dịch vụ vẫn được ví như việc "làm dâu nhiều họ". Không chỉ là "trăm họ" mà khách du lịch có bao nhiêu họ thì ngành du lịch phục vụ bấy nhiêu. Khi du khách có đủ thời gian và đủ tiền để đi du lịch, họ thường đòi hỏi những dịch vụ tốt nhất phù hợp với túi tiền của mình. Hơn nữa, đi du lịch cũng chính là một hình thức thư giãn, nghỉ ngơi để tái tạo sức lao động, bởi vậy, du khách có xu hướng buông lỏng, không câu nệ những ràng buộc hình thức phải tuân theo hàng ngày. Bởi vậy sẽ rất khó khăn cho người phục vụ khi đáp ứng những nhu cầu đôi khi rất đột xuất, bất thường của khách. Có những hướng dẫn viên nữ đã rất vất vả mới giữ đúng được lịch trình tham quan đã định hay những cơ sở dịch vụ đã được đặt trước vì có những vị khách bất chợt muốn thay đổi chương trình tham quan, thay đổi nơi ăn, chốn ở... Và cũng có nhiều trường hợp họ bị lâm vào tình trạng bị gia đình, bạn bè hay đồng nghiệp hiểu lầm trong khi đang làm nhiệm vụ. Có thể nói nghề hướng dẫn du lịch là một nghề rất vất vả, đòi hỏi sức khoẻ tốt, vốn kiến thức, ngoại ngữ sâu rộng, một tấm lòng yêu nghề, tận tụy, không ngại khó khăn và cả lòng can đảm vượt qua những định kiến xã hội khắt khe mới có thể trụ vững được trong nghề. Phần lớn chị em phụ nữ chỉ làm nghề hướng dẫn du lịch khi chưa có gia đình riêng. Khi đã làm vợ, làm mẹ, thời gian của người phụ nữ đầu tư cho công việc và cho gia đình mình đòi hỏi phải có sự cân bằng. Điều này đã gây ra không ít lúng túng cho những phụ nữ trẻ công tác trong ngành du lịch.

Khó khăn tiếp theo chính là tính thời vụ của dịch vụ du lịch. Đặc điểm của ngành du lịch là tính thời vụ rất cao. Ví dụ như các khu nghỉ mát ven biển và vùng núi của Việt Nam đặc biệt đông vào mùa hè, song lại rất vắng vẻ vào mùa đông. Tính thời vụ ảnh hưởng trực tiếp tới công suất sử dụng buồng phòng khách sạn, sử dụng dịch vụ ăn uống, dịch vụ vận tải, vui chơi giải trí... Điều này sẽ dẫn tới tính không ổn định trong tuyển dụng nhân công. Kết quả là sẽ có một số lượng lớn nhân công trong ngành du lịch dịch vụ có công việc không ổn định, thu nhập không liên tục. Đối với nam giới điều này cũng có những bất cập, song với phụ nữ làm công ăn lương, công việc và thu nhập không ổn định sẽ dẫn đến việc không được hưởng các chế độ trợ cấp đối với bảo hiểm sức khoẻ hay khi nghỉ thai sản.

Trong những năm gần đây, mặc dù có rất nhiều tiến bộ trong thực hiện bình đẳng về giới, song trong phân công lao động vẫn còn nhiều điều bất cập. Theo điều tra về mức sống ở Việt Nam năm 1997 - 1998, ở tất cả mọi thành phần kinh tế, thời gian của phụ nữ tham gia vào công việc nội trợ đều cao gấp đôi nam giới. Thêm vào đó, gánh nặng công việc của phụ nữ nơi công sở cũng không phải là nhỏ. Phụ nữ chiếm đa số trong cả hai nhóm có số giờ làm việc trung bình một tuần là 51 - 60 giờ và trên 60 giờ (Biểu 2). Gánh nặng công việc như vậy đã dẫn đến một số vấn đề về sức khoẻ và hạn chế thời gian tham gia vào các hoạt động xã hội hay học hỏi kinh nghiệm. Có một thực tế là tuy phụ nữ phải làm việc vất vả hơn, song lại được trả lương thấp hơn nam giới. Thu nhập trung bình một tháng của phụ nữ là 32 đôla Mỹ, trong khi đó thu nhập của nam giới là 41 đôla Mỹ (điều tra về mức sống năm 1997 - 1998). Thực tế đó không phải không xảy ra trong ngành du lịch, nơi tập trung rất đông lao động nữ. Ở rất nhiều cơ sở dịch vụ du lịch, lao động nữ chiếm số đông, song phần lớn họ chỉ làm các công việc chân tay, rất vất vả mà thu nhập lại thấp. Một phần không nhỏ là do trình độ còn hạn chế, một phần nữa là do những định kiến về ngành nghề, khiến cho rất nhiều lao động nữ phải chấp nhận lao động trong ngành dịch vụ một cách miễn cưỡng, khi không thể xin việc ở những ngành khác.

Vậy biện pháp nào để khắc phục những khó khăn và những bất cập nêu trên?



Biểu 2. Gánh nặng công việc của phụ nữ và nam giới

Nguồn : Tổng cục Thống kê, 2000 - Điều tra về mức sống Việt Nam 97-98 (UNDP)

Trước tiên, trên các lĩnh vực xã hội nói chung và trong ngành du lịch nói riêng, cần đẩy mạnh hơn nữa việc tuyên truyền về bình đẳng giới, tạo thêm điều kiện cho phụ nữ trong ngành tiếp cận với những cơ hội được đào tạo, nâng cao trình độ. Cần có chính sách khuyến khích, ưu tiên cán bộ nữ, nhân viên nữ.

Thứ hai, việc sắp xếp, phân công công việc, việc trả lương cho lao động nữ cũng cần có tính mềm dẻo, linh hoạt, tính đến những đặc thù về giới cũng như trách nhiệm đối với gia đình. Ví dụ đối với những hướng dẫn viên nữ khi có gia đình, để khuyến khích họ tham tiếp tục công tác trong nghề hướng dẫn, cần phải sắp xếp lịch trình đi theo những tour ngắn ngày, địa bàn gần để họ có thể có thời gian chăm sóc gia đình.

Tóm lại, sự bình đẳng về giới sẽ đem lại những thành tựu đáng kể cho sự phát triển của xã hội. Bình đẳng về giới không thể chỉ do phụ nữ cố gắng mà cần có sự nỗ lực chung của cả phụ nữ và nam giới trong toàn xã hội. Để tạo điều kiện cho phụ nữ nói chung và phụ nữ trong ngành du lịch nói riêng, cần kết hợp và nghiên cứu vấn đề giới trong phát triển và cân nhắc những khía cạnh nhạy cảm của vấn đề giới này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngân hàng thế giới. *Tổng quan đưa vấn đề giới vào phát triển*. Hội thảo Hà Nội 2000.

2. **Nguyễn Thị Vân Anh**. *Đưa vấn đề giới vào chính sách. Sổ tay Công tác nữ công*, NXB Lao động 1997

3. *Du lịch Việt Nam* - Tháng 10/2000

4. *UNDP*. Women at a Glance: Vietnam and the World

5. *UNDP*. Gender fact sheet

6. *UNDP* Gender Briefing Kit - Gender Employment and Economic Situation of Women.

7. *UNDP*. Gender Briefing Kit - Overview of Gender and Women Issues in Vietnam